

Bản án số: 75/2026/HS-ST

Ngày: 15/5/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 - AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phan Trọng Điền;

Bà Trương Thị Bích Tuyền.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Mai Thị Mỹ Tiên – Là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 13 - An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 13 - An Giang tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Chí Hải – Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 5 năm 2026, tại điểm cầu trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 13 - An Giang và điểm cầu P trại tạm giam Châu Đốc cơ sở 1 thuộc Trại tạm giam số 01 – Công an tỉnh A, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 47/2026/TLST-HS ngày 03 tháng 4 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2026/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 4 năm 2026 đối với bị cáo:

Lê Phúc H (tên gọi khác Hậu L), sinh năm 1995; Nơi sinh: Phường C, tỉnh An Giang; Nơi cư trú tại tổ A, khóm C, phường C, tỉnh An Giang; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Công T và bà Lê Thị Bé N; Anh chị em ruột: có 04 người, bị cáo là người thứ hai; Tiền sự: Không; Tiền án: Ngày 30/6/2022, bị Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang (nay là Tòa án nhân dân khu vực 13 – An Giang) xử phạt 01 năm 06 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”, đến ngày 18/6/2023, chấp hành xong hình phạt, chưa xóa án tích. Ngày 26/01/2024, bị Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang (nay là Tòa án nhân dân khu vực 13 – An Giang) xử phạt 02 năm tù, về tội “Trộm cắp tài sản”, đến ngày 06/10/2025, chấp hành xong hình phạt, thuộc trường hợp tái phạm, chưa xóa án tích; Bị cáo đang bị tạm giam từ ngày 08/12/2025 đến nay tại Phân trại tạm giam Châu Đốc cơ sở 1 thuộc Trại tạm giam số 01 – Công an tỉnh A; Bị cáo có mặt tại điểm cầu P trại tạm giam Châu Đốc cơ sở 1 thuộc Trại tạm giam số 01 – Công an tỉnh A.

- Bị hại: **Võ Thành V**, sinh năm 1984. Trú tại **tổ A, khóm C, phường C, tỉnh An Giang**. (Có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Lê Công T**, sinh năm 1972. Trú tại **tổ A, khóm C, phường C, tỉnh An Giang**. (Có mặt).

- Người làm chứng: **Nguyễn Đức H1**, sinh năm 1996. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có tiền tiêu xài và mua ma túy sử dụng, nên khoảng 22 giờ 30 phút ngày 26/10/2025, **Lê Phúc H** sinh ngày 15/6/1995, nơi cư trú: **Tổ 14, khóm C, phường C, tỉnh An Giang**, đi bộ từ nhà ra **Hẻm B đường H** để tìm tài sản lấy trộm. Khi đến nhà **Võ Thành V** gần nhà của **H** thì phát hiện nhà **V** đang mở cửa, bên trong nhà có đậu 01 xe mô tô biển số 67E1-323.40 có ghim sẵn chìa khóa trên xe. Lúc này, **H** quan sát thấy không có người trong nhà, **H** liền bước vào và dắt xe mô tô nói trên ra khỏi nhà rồi điều khiển xe khu vực **Công viên phường C (nay là phường C)** gặp một người thanh niên tên **L1** (không rõ nhân thân, lai lịch) nhờ đem bán xe mô tô vừa lấy trộm được, **L1** đồng ý và đem bán xe mô tô trên được 2.000.000 đồng, **H** cho **L1** 200.000 đồng, còn lại số tiền 1.800.000 đồng thì **H** mua ma túy và tiêu xài cá nhân hết. Ngày 07/12/2025, **V** đến **Công an phường C** trình báo sự việc. Đến ngày 08/12/2025, **H** đến **Công an phường C** đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Ngày 16/12/2025 **Lê Phúc H** bị khởi tố, điều tra.

Vật chứng thu giữ: Cơ quan Cảnh sát điều tra - **Công an tỉnh A** thu giữ: 01 đĩa DVD ghi nhận hình ảnh bị can **Lê Phúc H** lấy trộm tài sản vào ngày 26/10/2025.

Quá trình điều tra xác định: Do muốn có tiền tiêu xài và mua ma túy sử dụng nên **Lê Phúc H** có hành vi lén lút lấy trộm xe máy biển số 67E1-323.40 của **Võ Thành V** bán lấy tiền.

Tại Bản Kết luận định giá tài sản số 18/KL-HĐĐGTS ngày 11/12/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự **phường C, tỉnh An Giang**, ghi nhận: 01 (một) xe mô tô biển số 67E1 - 323.40, màu trắng, nhãn hiệu Honda, loại Wave Alpha, dung tích 109cm³, số máy: JA39E0576198, số khung: RLHJA3906HY601061, trị giá 16.500.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 24/CT-VKSKV13 ngày 03/4/2026 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 13 - An Giang đã truy tố **Lê Phúc H** về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo **Lê Phúc H** đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố, bị cáo nhận tội, không tranh luận, chỉ xin giảm nhẹ hình phạt.

Lời khai của người bị hại **Võ Thành V** trình bày phù hợp với nội dung vụ án. Qua sự việc, **V** đã nhận số tiền bồi thường 15.500.000đ từ ông **Lê Công T** là cha của bị cáo **H** nên không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông **Lê Công T** trình bày phù hợp với nội dung vụ án. Ông **T** đã bồi thường số tiền 15.500.000 bồi thường cho bị hại **Võ Thành V**. Ông **T** không yêu cầu bị cáo **Lê Phúc H** bồi thường lại số tiền trên.

Lời khai của người làm chứng **Nguyễn Đức H1** trình bày phù hợp với nội dung vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 13 – An Giang thực hành quyền công tố tại tòa giữ nguyên quan điểm như Cáo trạng đã truy tố. Sau khi phân tích tính chất, mức độ và hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Viện kiểm sát đã đề nghị:

- Trách nhiệm hình sự:

- + Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; Điều 38; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo **Lê Phúc H** từ 03 năm đến 04 năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- + Về hình phạt bổ sung: Không.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tiếp tục thu giữ lưu hồ sơ vụ án 01 đĩa DVD ghi nhận hình ảnh bị can **Lê Phúc H** lấy trộm tài sản vào ngày 26/10/2025.

- Về trách nhiệm dân sự: Không.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Thừa nhận hành vi phạm tội, biết hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật, bị cáo ăn năn hối cải, xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra **Công an tỉnh A**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 13 - An Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định pháp luật.

[1.2] Về việc vắng mặt của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa:

Tại phiên tòa người làm chứng vắng mặt. Tuy nhiên, lời khai đã có trong hồ sơ vụ án, lời khai này đã được công bố tại phiên tòa, bị cáo, người tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến phản bác và cũng không yêu cầu triệu tập họ đến phiên tòa. Xét thấy, việc vắng mặt của người làm chứng không ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người làm chứng là phù hợp với quy định tại Điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về trách nhiệm hình sự:

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, Biên bản khám nghiệm hiện trường, Kết luận định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ để kết luận:

Do không có tiền tiêu xài nên khoảng 22 giờ 30 phút ngày 26/10/2025, **Lê Phúc H** đi bộ để tìm tài sản lấy trộm. Khi đến nhà **Võ Thành V** gần nhà của **H** thì phát hiện nhà **V** đang mở cửa, bên trong nhà có đậu 01 xe mô tô biển số 67E1-323.40 có ghim sẵn chìa khóa trên xe, **H** quan sát thấy không có người trong nhà, **H** vào và dắt xe và điều khiển xe đến khu vực **C phường C (nay là phường C)** nhờ **L1** đem bán xe mô tô, **L1** đồng ý và đem bán xe mô tô trên được 2.000.000 đồng, **H** cho **L1** 200.000 đồng, còn lại số tiền 1.800.000 đồng thì **H** tiêu xài cá nhân hết. Đến ngày 08/12/2025, **H** đến **Công an phường C** đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội trong khi bị cáo đã có 02 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích, nay lại tiếp tục phạm tội là tái phạm nguy hiểm.

Hành vi phạm tội nêu trên của **Lê Phúc H** đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự có khung hình phạt tù từ 02 năm đến 07 năm tù (tội phạm nghiêm trọng).

[2.2] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo **H** không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho bị hại để khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của mình gây ra, thuộc thành phần lao động có thu nhập không ổn định là các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng vì tham lam tư lợi muốn có tiền tiêu xài nên bị cáo đã cố tình thực hiện hành vi phạm tội. Đồng thời, bị cáo còn có 02 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” đã chấp hành xong hình phạt, chưa được xóa án, lẽ ra bị cáo phải biết cải sửa nhưng vì bản tính tham lam, muốn có tiền tiêu xài nên bị cáo cố ý tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, là thể hiện sự xem thường pháp luật. Do đó, cần buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù cách ly khỏi xã hội một thời gian là cần thiết, mới có tác dụng giáo dục cải tạo bị cáo trở thành người lương thiện, người công dân có ích cho xã hội, cũng nhằm để răn đe, phòng ngừa tội phạm chung.

Xác định đề nghị về mức hình phạt của đại diện Viện kiểm sát là tương xứng với tính chất mức độ phạm tội mà các bị cáo đã gây ra, đề nghị này được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Về hình phạt bổ sung: Xét, bị cáo thuộc thành phần lao động có thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[2.4] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, ông **Lê Công T** là cha của bị cáo đã bồi thường cho bị hại số tiền 15.500.000đ, bị hại không yêu cầu bồi thường thêm, ông **T** cũng không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 15.500.000đ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Về biện pháp tư pháp: Tiếp tục thu giữ lưu hồ sơ vụ án 01 đĩa DVD ghi nhận hình ảnh bị can **Lê Phúc H** lấy trộm tài sản vào ngày 26/10/2025.

[3] Về án phí: Bị cáo **Lê Phúc H** phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Các vấn đề khác:

- Người thanh niên tên **L1** (chưa rõ nhân thân, lai lịch) mang xe mô tô biển số 67E1-323.40 do bị cáo **Lê Phúc H** lấy trộm mà có đem bán, hiện chưa làm việc được, Cơ quan Cảnh sát điều tra – **Công an tỉnh A** tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ, xử lý sau.

- Bị cáo **Lê Phúc H** xác định tình trạng nghiện dương tính với Methamphetamine. Tuy nhiên, bị cáo **H** chưa bị xử phạt vi phạm hành chính và

cũng không có hồ sơ quản lý sau cai nghiện, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an tỉnh A không truy cứu trách nhiệm hình sự đối bị cáo H về tội “Sử dụng trái phép chất ma túy” là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo: Lê Phúc H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Căn vào điểm g khoản 2 Điều 273; Điều 38; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2025.

Xử phạt: Bị cáo Lê Phúc H 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo H được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (ngày 08/12/2025).

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu lưu hồ sơ vụ án 01 đĩa DVD ghi nhận hình ảnh bị cáo Lê Phúc H lấy trộm tài sản vào ngày 26/10/2025.

- Về án phí:

Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Lê Phúc H phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng;
- Viện KSND Khu vực 13 – An Giang;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Phòng THADS khu vực 13 – An Giang;
- Bộ phận THA Tòa án;
- Sở TP;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Ngọc Mỹ